

Số: 92/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 02 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 192/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Lương Thị T**, sinh năm 2001; nơi cư trú: **Số C lô G Đ, phường H, thành phố Hải Phòng**; số căn cước công dân: 025301010514.

2. Anh **Nguyễn Việt A**, sinh năm 2002; nơi đăng ký thường trú: **Số F Tập thể H, T, phường H, thành phố Hải Phòng**; nơi ở: **Số C lô G Đ, phường H, thành phố Hải Phòng**; số căn cước công dân: 031202009087.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lương Thị T** và anh **Nguyễn Việt A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng** vào ngày 15/6/2023. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không còn hòa hợp. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị **T** và anh **Việt A** cùng thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con: Chị **T** và anh **Việt A** thỏa thuận anh **Việt A** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Ngọc A1**, sinh ngày 30/6/2023, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** và anh **Việt A** thỏa thuận chị **T** có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **Việt A** số tiền 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng một tháng), tính từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị **T** và anh **Việt A2** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị **T** và anh **Việt A** mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ lệ phí theo quy định.

[6] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25/5/2026, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị **T** và anh **Việt A** gồm các nội dung từ [1] đến [5]. Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Lương Thị T** và anh **Nguyễn Việt A** cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh **Việt A** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Ngọc A1**, sinh ngày 30/6/2023, cho đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **Việt A** số tiền 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng một tháng), tính từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **T** và anh **Việt A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị **T** và anh **Việt A** mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ lệ phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng Án phí, lệ phí Tòa án số 0006164 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Kể từ ngày anh **Việt A** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **T** không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng chị **T** phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 3- Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- THA DS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Hồng Bàng,
TP. Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Thủy